

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 102/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 10/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 20/02/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT909	Lê Xuân An	06/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG010505	CNTT/22/0897	Đạt	
2	CNTT910	Nguyễn Bình An	01/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG010506	CNTT/22/0898	Đạt	
3	CNTT911	Nguyễn Hải Anh	07/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG010507	CNTT/22/0899	Đạt	
4	CNTT912	Nguyễn Trọng Quốc Anh	31/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG010508	CNTT/22/0900	Đạt	
5	CNTT913	Nguyễn Văn Anh	19/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG010509	CNTT/22/0901	Đạt	
6	CNTT914	Trần Đức Đông Anh	16/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG010510	CNTT/22/0902	Đạt	
7	CNTT915	Bùi Thị Ngọc Bích	03/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG010511	CNTT/22/0903	Đạt	
8	CNTT916	Lưu Thị Thanh Bình	05/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	5,0	DBG010512	CNTT/22/0904	Đạt	
9	CNTT917	Nguyễn Văn Bình	10/07/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG010513	CNTT/22/0905	Đạt	
10	CNTT918	Nguyễn Văn Bình	30/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG010514	CNTT/22/0906	Đạt	
11	CNTT919	Phạm Thị Chinh	18/09/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG010515	CNTT/22/0907	Đạt	
12	CNTT920	Trần Văn Công	24/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG010516	CNTT/22/0908	Đạt	
13	CNTT921	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	6,0	DBG010517	CNTT/22/0909	Đạt	
14	CNTT922	Hoàng Ngọc Dũng	21/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	DBG010518	CNTT/22/0910	Đạt	
15	CNTT923	Ngô Khắc Dũng	11/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG010519	CNTT/22/0911	Đạt	
16	CNTT924	Nguyễn Đăng Dũng	22/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG010520	CNTT/22/0912	Đạt	
17	CNTT925	Vũ Văn Duy	25/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	6,0	DBG010521	CNTT/22/0913	Đạt	
18	CNTT926	Đàm Văn Dương	24/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG010522	CNTT/22/0914	Đạt	
19	CNTT927	Mai Hoàng Dương	06/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,5	DBG010523	CNTT/22/0915	Đạt	
20	CNTT928	Nguyễn Công Dương	28/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG010524	CNTT/22/0916	Đạt	
21	CNTT929	Nguyễn Tiến Dương	30/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG010525	CNTT/22/0917	Đạt	
22	CNTT930	Nguyễn Văn Dương	15/06/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	7,0	DBG010526	CNTT/22/0918	Đạt	
23	CNTT931	Phùng Ánh Dương	24/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG010527	CNTT/22/0919	Đạt	
24	CNTT932	Trần Tiến Đạt	02/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG010528	CNTT/22/0920	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
25	CNTT933	Nguyễn Bích Diệp	22/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	5,0	DBG010529	CNTT/22/0921	Đạt	
26	CNTT934	Nguyễn Quý Đô	08/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG010530	CNTT/22/0922	Đạt	
27	CNTT935	Phùng Thị Thu Hà	17/05/1981	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG010531	CNTT/22/0923	Đạt	
28	CNTT936	Trương Thị Hồng Hạnh	25/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	5,5	DBG010532	CNTT/22/0924	Đạt	
29	CNTT937	Nguyễn Thị Hậu	30/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	5,0	DBG010533	CNTT/22/0925	Đạt	
30	CNTT938	Nguyễn Thị Hiên	01/05/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG010534	CNTT/22/0926	Đạt	
31	CNTT939	Đỗ Thị Hiền	08/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG010535	CNTT/22/0927	Đạt	
32	CNTT940	Nguyễn Công Hiệp	04/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG010536	CNTT/22/0928	Đạt	
33	CNTT941	Nguyễn Quang Hiệp	27/09/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,5	DBG010537	CNTT/22/0929	Đạt	
34	CNTT942	Mai Đình Hiếu	04/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG010538	CNTT/22/0930	Đạt	
35	CNTT943	Nguyễn Văn Hiếu	19/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG010539	CNTT/22/0931	Đạt	
36	CNTT944	Nguyễn Văn Hiếu	13/12/2004	TPHCM	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG010540	CNTT/22/0932	Đạt	
37	CNTT945	Nguyễn Thị Ngọc Hoài	26/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG010541	CNTT/22/0933	Đạt	
38	CNTT946	Vũ Văn Hoan	29/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG010542	CNTT/22/0934	Đạt	
39	CNTT947	Phan Văn Hoàn	14/05/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG010543	CNTT/22/0935	Đạt	
40	CNTT948	Nguyễn Văn Hoàng	20/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG010544	CNTT/22/0936	Đạt	
41	CNTT949	Nguyễn Văn Hoàng	20/09/2004	Bình Dương	Nam	Kinh	6,5	7,0	DBG010545	CNTT/22/0937	Đạt	
42	CNTT950	Trần Văn Hùng	07/06/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG010546	CNTT/22/0938	Đạt	
43	CNTT951	Hoàng Việt Huy	19/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG010547	CNTT/22/0939	Đạt	
44	CNTT952	Nguyễn Hoàng Huy	04/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG010548	CNTT/22/0940	Đạt	
45	CNTT953	Nguyễn Quang Huy	27/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	5,5	DBG010549	CNTT/22/0941	Đạt	
46	CNTT954	Nguyễn Văn Huy	21/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	7,0	DBG010550	CNTT/22/0942	Đạt	
47	CNTT955	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	6,5	DBG010551	CNTT/22/0943	Đạt	
48	CNTT956	Ngô Thị Thúy Hương	30/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG010552	CNTT/22/0944	Đạt	
49	CNTT957	Đặng Gia Khánh	21/05/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG010553	CNTT/22/0945	Đạt	
50	CNTT958	Dương Văn Ký	31/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG010554	CNTT/22/0946	Đạt	
51	CNTT959	Đặng Phúc Lâm	26/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG010555	CNTT/22/0947	Đạt	
52	CNTT960	Lê Ngọc Linh	29/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG010556	CNTT/22/0948	Đạt	
53	CNTT961	Lê Thị Thùy Linh	26/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG010557	CNTT/22/0949	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
54	CNTT962	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/07/2004	TPHCM	Nữ	Kinh	6,0	7,0	DBG010558	CNTT/22/0950	Đạt	
55	CNTT963	Nguyễn Thị Hiền Lương	03/01/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG010559	CNTT/22/0951	Đạt	
56	CNTT964	Triệu Thị Mai	08/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	7,0	6,5	DBG010560	CNTT/22/0952	Đạt	
57	CNTT965	Nguyễn Tuấn Minh	01/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	DBG010561	CNTT/22/0953	Đạt	
58	CNTT966	Phạm Công Minh	28/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG010562	CNTT/22/0954	Đạt	
59	CNTT967	Nguyễn Đăng Mỹ	14/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG010563	CNTT/22/0955	Đạt	
60	CNTT968	Đào Phúc Nam	16/05/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	7,0	DBG010564	CNTT/22/0956	Đạt	
61	CNTT969	Nguyễn Văn Nam	12/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	DBG010565	CNTT/22/0957	Đạt	
62	CNTT970	Đặng Bảo Ngọc	21/05/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG010566	CNTT/22/0958	Đạt	
63	CNTT971	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG010567	CNTT/22/0959	Đạt	
64	CNTT972	Nguyễn Minh Nguyên	04/01/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG010568	CNTT/22/0960	Đạt	
65	CNTT973	Nguyễn Văn Nguyên	22/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG010569	CNTT/22/0961	Đạt	
66	CNTT974	Bùi Thế Phồn	18/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG010570	CNTT/22/0962	Đạt	
67	CNTT975	Thân Phú Phúc	15/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG010571	CNTT/22/0963	Đạt	
68	CNTT976	Trần Văn Quyền	15/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	7,0	DBG010572	CNTT/22/0964	Đạt	
69	CNTT977	Hoàng Thị Sen	18/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG010573	CNTT/22/0965	Đạt	
70	CNTT978	Dương Quang Tân	29/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG010574	CNTT/22/0966	Đạt	
71	CNTT979	Nguyễn Thành Tân	01/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG010575	CNTT/22/0967	Đạt	
72	CNTT980	Đỗ Văn Tấn	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG010576	CNTT/22/0968	Đạt	
73	CNTT981	Nguyễn Thị Phương Thanh	05/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG010577	CNTT/22/0969	Đạt	
74	CNTT982	Bùi Quang Thành	09/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,0	5,5	DBG010578	CNTT/22/0970	Đạt	
75	CNTT983	Lê Việt Thành	20/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG010579	CNTT/22/0971	Đạt	
76	CNTT984	Nguyễn Văn Thành	16/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	7,0	DBG010580	CNTT/22/0972	Đạt	
77	CNTT985	Nguyễn Văn Thành	07/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6,2	6,5	DBG010581	CNTT/22/0973	Đạt	
78	CNTT986	Phan Tiến Thành	25/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG010582	CNTT/22/0974	Đạt	
79	CNTT987	Hoàng Văn Thành	24/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	DBG010583	CNTT/22/0975	Đạt	
80	CNTT988	Nguyễn Quang Thắng	21/02/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	5,0	DBG010584	CNTT/22/0976	Đạt	
81	CNTT989	Nguyễn Văn Thắng	20/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	DBG010585	CNTT/22/0977	Đạt	
82	CNTT990	Lê Quang Thịnh	27/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,0	6,5	DBG010586	CNTT/22/0978	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
83	CNTT991	Nguyễn Thị Minh Thu	24/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	7,0	DBG010587	CNTT/22/0979	Đạt	
84	CNTT992	Trần Quang Thuận	24/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG010588	CNTT/22/0980	Đạt	
85	CNTT993	Nguyễn Thị Thúy	21/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG010589	CNTT/22/0981	Đạt	
86	CNTT994	Trịnh Quang Thường	18/12/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG010590	CNTT/22/0982	Đạt	
87	CNTT995	Nguyễn Văn Tiệp	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG010591	CNTT/22/0983	Đạt	
88	CNTT996	Nguyễn Văn Toàn	13/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG010592	CNTT/22/0984	Đạt	
89	CNTT997	Nguyễn Thị Thu Trang	06/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG010593	CNTT/22/0985	Đạt	
90	CNTT998	Đặng Ngọc Trung	23/07/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6,0	6,5	DBG010594	CNTT/22/0986	Đạt	
91	CNTT1000	Thân Quang Tuấn Anh	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	DBG010595	CNTT/22/0987	Đạt	
92	CNTT1001	Phạm Đăng Bình	08/05/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	DBG010596	CNTT/22/0988	Đạt	
93	CNTT1002	Hoàng Thị Hiền	03/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	DBG010597	CNTT/22/0989	Đạt	
94	CNTT1003	Nguyễn Thị Hòa	13/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	DBG010598	CNTT/22/0990	Đạt	
95	CNTT1004	Bùi Quốc Hùng	24/12/1980	Hà Nội	Nam	Kinh	7,5	8,5	DBG010599	CNTT/22/0991	Đạt	
96	CNTT1005	Đinh Thị Huyền	27/07/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	DBG010600	CNTT/22/0992	Đạt	
97	CNTT1006	Trần Thị Thu Hường	08/11/1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	8,2	7,5	DBG010601	CNTT/22/0993	Đạt	
98	CNTT1007	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	14/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG010602	CNTT/22/0994	Đạt	
99	CNTT1008	Diêm Thị Quỳnh	17/12/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	DBG010603	CNTT/22/0995	Đạt	
100	CNTT1009	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/02/1979	Hưng Yên	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG010604	CNTT/22/0996	Đạt	
101	CNTT1010	Đỗ Xuân Trường	28/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	DBG010605	CNTT/22/0997	Đạt	
102	CNTT1011	Nguyễn Quốc Tú	12/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	5,5	DBG010606	CNTT/22/0998	Đạt	
103	CNTT1012	Nguyễn Văn Tư	13/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	DBG010607	CNTT/22/0999	Đạt	
104	CNTT1013	Nguyễn Đình Tự	22/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	DBG010608	CNTT/22/1000	Đạt	
105	CNTT1014	Vũ Thị Hồng Vân	10/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	DBG010609	CNTT/22/1001	Đạt	
106	CNTT1015	Nguyễn Hải Yên	24/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,5	DBG010610	CNTT/22/1002	Đạt	

Danh sách có 106 thí sinh./.